

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2024/DS-ST  
Ngày: 31/12/2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đào Nữ Ngọc Lan.

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Thanh Tùng và bà Châu Thanh Nguyên.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thúy Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang** tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2024/QĐXX-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2024/QĐST-DS, ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Ngô Văn D, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ B, khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Thái Văn C, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Tổ F, ấp Ô, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Đào Xuân C1, sinh năm 1982 và bà Trương Mỹ K, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Đường H, tổ E, khóm B, huyện T, tỉnh An Giang. Người đại diện theo ủy quyền của ông Đào Xuân C1: Bà Trương Mỹ K, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Đường H, tổ E, khóm B, huyện T, tỉnh An Giang (theo hợp đồng ủy quyền ngày 30/12/2024), có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Ngô Văn D do ông Thái Văn C người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Đào

Xuân C1 và bà Trương Mỹ K có mượn của ông Ngô Văn D số tiền 250.000.000 đồng, làm 02 lần cụ thể như sau: Lần thứ nhất ngày 28/5/2024 bà K mượn 100.000.000 đồng; lần thứ hai ngày 6/6/2024 ông C1 mượn 150.000.000 đồng, quá trình vay mượn hai bên có thỏa thuận lãi 3%/tháng. Khi mượn ông C1, bà K hứa khi nào lấy bộ đất trong ngân hàng ra bán sẽ trả cho ông D tiền vốn vay và chút tiền lãi. Nhưng từ khi vay đến nay ông D chưa nhận được khoản tiền lãi nào từ ông C1, bà K và ông C1, bà K không trả tiền vốn vay đúng hạn. Nay ông D yêu cầu ông C1, bà K trả số tiền vốn vay 250.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn bà Trương Mỹ K trình bày: Bà thừa nhận bà có cùng ông Đào Xuân C1 (chồng) có vay của ông Ngô Văn D số tiền 250.000.000 đồng làm ba đợt trong năm 2024, không nhớ cụ thể ngày tháng năm. Lần thứ nhất vay số tiền 100.000.000 đồng; lần thứ hai vay số tiền 100.000.000 đồng; lần thứ ba vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 15%/tháng, một ngày góp 1.250.000 đồng tiền lãi, hình thức vay của bà là trả lãi ngày, từ khi vay đến nay bà K có trả tiền lãi cho ông D, không nhớ đã trả được bao nhiêu và trả từ thời gian nào, việc vay mượn giữa hai bên có làm biên nhận, nhưng khi trả lãi hai bên không có giấy tờ. Nay bà K đồng ý trả số tiền 250.000.000 đồng cho ông D, bà K xin không trả lãi, xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Bị đơn ông Đào Xuân C1 vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến của ông Đào Xuân C1.

Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn ông Đào Xuân C1 vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông C1, bà K trả số tiền vốn 250.000.000 đồng và lãi suất của số tiền vay 100.000.000 đồng từ ngày 29/6/2024 đến ngày 31/12/2024 mức lãi 20%/năm và lãi suất của số tiền vay 150.000.000 đồng từ ngày 6/7/2024 đến ngày 31/12/2024 mức lãi 20%/năm.

Bị đơn bà Trương Mỹ K đồng ý trả số tiền 250.000.00 đồng cho ông D, xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng và xin không trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS 2015.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà K, ông C1 có trách nhiệm trả cho ông D số tiền vốn 250.000.000 đồng và lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ mà các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dân sự. Thời điểm khởi kiện xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và do bị đơn bà Trương Mỹ K, ông Đào Xuân C1 có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh An Giang nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản giữa ông Ngô Văn D và bà Trương Mỹ K, ông Đào Xuân C1 thực tế đã xảy ra, thể hiện qua sự thừa nhận các hai bên. Theo đó, ông D đã cho bà K, ông C1 vay mượn số tiền 250.000.000 đồng làm nhiều đợt, hai bên có làm biên nhận. Quá trình tố tụng bà K thừa nhận bà và ông C1 (chồng) có vay tiền của ông D và còn nợ của ông D số tiền 250.000.000 đồng, bà K đồng ý trả cho ông D.

Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy, nội dung tranh chấp giữa ông D và bà K, ông C1 được thể hiện qua sự thừa nhận của hai bên, quá trình vay mượn mặc dù hai bên không thỏa thuận thời gian trả, nhưng qua sự thừa nhận của hai bên, đủ cơ sở kết luận bà K, ông C1 có mượn của ông D số tiền 250.000.000 đồng như trình bày của ông D. Do vậy, ông D khởi kiện yêu cầu bà K, ông C1 phải trả số tiền vốn vay 250.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Trương Mỹ K và ông Đào Xuân C1 phải trả cho ông Ngô Văn D số tiền 250.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đào Xuân C1 để tham gia tố tụng, tuy nhiên tại phiên tòa ông C1 đã ủy quyền cho bà K tham gia tố tụng, qua lời khai và quá trình tố tụng bà K cũng thừa nhận bà và ông C1 có mượn của ông D số tiền 250.000.000 đồng. Do vậy nên ông D khởi kiện yêu cầu bà K, ông C1 có nghĩa vụ liên đới trả là phù hợp với Điều 288 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất:

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày quá trình vay mượn hai bên có thỏa thuận lãi suất, mức lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng; bị đơn bà K trình bày, mức lãi suất các bên thỏa thuận miệng 15%/tháng, lãi suất trả theo ngày, khi vay bà có trả lãi đầy đủ cho ông D, nhưng bà K không nhớ trả được bao nhiêu tiền lãi và trả từ ngày nào, bà K không có giấy tờ gì chứng minh bà K đã trả lãi cho ông D. Bà K không yêu cầu Tòa án tính lại khoản tiền lãi đã trả. Do vậy hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cầu Tòa án tính tiền lãi suất đối với số tiền 100.000.000 đồng kể từ ngày 29/6/2024 đến ngày 31/12/2024 (6 tháng) và tiền lãi đối với số tiền 150.000.000 đồng kể từ ngày 06/7/2024 đến ngày 31/12/2024 (5 tháng 25 ngày) mức lãi suất yêu cầu 20%/năm. Nhận thấy quá trình vay các bên có thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên do bà K, ông C1 vi phạm thời gian thanh toán nên với yêu cầu tính lãi của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn như trên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mức lãi được quy định 20%/năm (tương ứng 1.66%/tháng). Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 100.000.000 đồng x 20%/năm x 6 tháng = 10.000.000 đồng; 150.000.000 đồng x 20%/năm x 5 tháng 25 ngày = 14.583.000 đồng.

Như vậy ông C1, bà K có trách nhiệm trả cho ông D số tiền lãi 24.583.000 đồng.

Đối với yêu cầu xin trả dần số tiền mỗi tháng 3.000.000 đồng của bà K, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà K. Yêu cầu của bà K sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của ông D được chấp nhận nên ông D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà K, ông C1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 35, Điều 147, Điều 219; Điều 288; Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 440; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn D đối với bà Trương Mỹ K, ông Đào Xuân C1 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Buộc bà Trương Mỹ K, ông Đào Xuân C1 phải trả cho ông Ngô Văn D số tiền 274.583.000 đồng (hai trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm tám mươi ba ngàn đồng), trong đó tiền vốn vay: 250.000.000 đồng; tiền lãi 24.583.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Trương Mỹ K, ông Đào Xuân C1 phải nộp 13.729.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Ngô Văn D được nhận lại 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0012774 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- Chi Cục THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Nữ Ngọc Lan**